TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** **TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2023/DS-ST
Ngày: 11-9-2023
Về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Hạnh Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thủy

2. Ông Phạm Hồng Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Tín – Thư ký Tòa án nhân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Huyến - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 210/2019/TLST-DS ngày 25-12-2019 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2023/QĐXXST-DS ngày 21-8-2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2023/QĐST-DS ngày 31-8-2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Dương Văn N, sinh năm 1984; địa chỉ: Khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu *(có mặt*).

2*. Bị đơn:*

2.1. Bà Dương Ngọc T, sinh năm 1974; địa chỉ liên hệ: Tổ B, Quốc lộ B, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng *(vắng mặt)*.

2.2. Bà Dương Ngọc H, sinh năm 1981; địa chỉ liên hệ: Tổ B, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng *(vắng mặt)*.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Bà Dương Thị S, sinh năm 1966; địa chỉ: Khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu *(vắng mặt)*.

3.2. Ông Dương Văn L, sinh năm 1968; địa chỉ: Khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu *(vắng mặt)*.

3.3. Ông Dương Văn T1, sinh năm 1973; địa chỉ: Khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu *(vắng mặt)*.

3.4. Bà Dương Ngọc T2, sinh năm 1977; địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu *(vắng mặt)*.

3.5. Ông Dương Ngọc T3, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ B khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu *(vắng mặt)*.

3.6. Bà Nguyễn Thị Bích P, sinh năm 1985; địa chỉ: Khu phố L, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu *(vắng mặt)*.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn là ông Dương Văn N trình bày:

Cha mẹ ông Dương Văn N là ông Dương Văn T4 (chết năm 2006) và bà Phan Thị T5 (chết năm 2013) đều không để lại di chúc. Ông T4 và bà T5 có 09 người con chung gồm: Bà Dương Thị S, ông Dương Văn L, ông Dương Văn T1, bà Dương Ngọc T, bà Dương Ngọc T2, ông Dương Ngọc T3, bà Dương Ngọc H, ông Dương Văn N và ông Dương Văn T6 (chết lúc khoảng 3 tuổi); ông T4, bà T5 không có con nuôi hay con riêng nào khác và cha mẹ của ông T4, bà T5 đều chết trước ông T4, bà T5.

Di sản ông T4 và bà T5 để lại là diện tích đất 97,9m^2 thuộc thửa đất số 73, tờ bản đồ số 118 tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và căn nhà cấp 4 trên diện tích đất (gọi tắt nhà đất thuộc thửa 73).

Về nguồn gốc nhà đất thuộc thửa 73 là của ông T4 và bà T5. Năm 2006, ông T4 chết, ngày 24-8-2007 bà T5 đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nêu trên. Năm 2013, bà T5 chết; các anh chị của ông N có thỏa thuận cho ông N được quản lý, sử dụng nhà đất trên nhưng khi làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà Dương Ngọc T và bà Dương Ngọc H không đồng ý.

Do đó, ông N khởi kiện đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của cha mẹ để lại là nhà đất thuộc thửa 73 theo pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất là 08 người con của ông T4, bà T5 gồm: Bà Dương Thị S, ông Dương Văn L, ông Dương Văn T1, bà Dương Ngọc T, bà Dương Ngọc T2, ông Dương Ngọc T3, bà Dương Ngọc H, ông Dương Văn N. Do ông N đang quản lý, sử dụng nhà đất nêu trên để thờ cúng cha mẹ nên ông N có nguyện vọng được nhận thừa kế bằng hiện vật, ông N sẽ thanh toán lại giá trị cho những người thừa kế khác.

Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, các bị đơn:

Bà Dương Ngọc H trình bày:

Bà H thống nhất với lời khai của nguyên đơn về quan hệ huyết thống và nguồn gốc di sản mà cha mẹ bà là ông T4, bà T5 để lại; cha mẹ bà chết không để lại di chúc. Bà H đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, trường hợp nếu được chia di sản thừa kế theo pháp luật thì bà H đồng ý cho ông N được hưởng phần di sản mà bà H được chia, không yêu cầu ông N phải thanh toán lại giá trị cho bà. Bà H đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Bà Dương Ngọc T trình bày:

Bà T thống nhất với lời khai của nguyên đơn về quan hệ huyết thống và nguồn gốc di sản mà cha mẹ bà là ông T4, bà T5 để lại; cha mẹ bà chết không để lại di chúc. Đối với yêu cầu của nguyên đơn về chia di sản thừa kế là nhà đất thuộc thửa 73 thì bà T không đồng ý, bà yêu cầu để diện tích đất trên làm nhà từ đường. Bà T đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bà.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Bà Dương Thị S, ông Dương Văn L, ông Dương Văn T1, bà Dương Ngọc T2, ông Dương Ngọc T3 cùng trình bày:

Các ông bà thống nhất với lời khai của nguyên đơn về quan hệ huyết thống và nguồn gốc di sản mà cha mẹ các ông bà là ông T4, bà T5 để lại; ông T4, bà T5 chết không để lại di chúc. Các ông bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; trường hợp nếu được chia di sản thừa kế theo pháp luật thì bà S, ông L, ông T1, bà T2, ông T3 đồng ý cho ông N được hưởng phần di sản mà các ông bà được chia, không yêu cầu ông N phải thanh toán lại giá trị cho các ông bà.

Bà Nguyễn Thị Bích P trình bày:

Bà P là vợ của ông N, nguồn gốc diện tích đất mà ông N yêu cầu chia di sản thừa kế là của cha mẹ ông N, bà không có liên quan gì đến đất tranh chấp trên và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm, Thư ký đúng quy định. Đương sự có mặt tại phiên tòa sơ thẩm chấp hành tốt quy định pháp luật tố tụng.

- Về nội dung vụ án: Nguồn gốc nhà đất thuộc thửa 73 là của ông T4 bà T5. Ông T4 và bà T5 là vợ chồng, ông T4 và bà T5 chết không để lại di chúc. Hàng thừa kế thứ nhất của ông T4, bà T5 gồm 08 người con là: Bà Dương Thị S, ông Dương Văn L, ông Dương Văn T1, bà Dương Ngọc T, bà Dương Ngọc T2, ông Dương Ngọc T3, bà Dương Ngọc H, ông Dương Văn N. Trong đó, bà S, ông L, ông T1, bà T2, ông T3, bà H đồng ý cho ông N được hưởng phần di sản mà các ông bà được chia, không yêu cầu ông N phải thanh toán lại giá trị cho các ông bà. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn; giao nhà đất thuộc thửa 73 cho ông N, ông N phải thanh toán bằng giá trị cho bà T đối với phần thừa kế mà bà T được hưởng. Các đương sự phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1.] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định đây là vụ án tranh chấp về thừa kế tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Di sản chia thừa kế là quyền sử dụng đất tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân

huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bà Dương Thị S, ông Dương Văn L, ông Dương Văn T1, bà Dương Ngọc T2, ông Dương Ngọc T3 được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; bà Dương Ngọc T, bà Dương Ngọc H, bà Nguyễn Thị Bích P có văn bản xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Qua lời trình bày của các đương sự và chứng cứ thu thập được, đủ căn cứ xác định ông Dương Văn T4 chết năm 2006, bà Phan Thị T5 chết năm 2013 đều không để lại di chúc. Căn cứ Điều 623 của Bộ luật Dân sự thì thời hiệu yêu cầu chia di sản thừa kế vẫn còn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hàng thừa kế: Theo các chứng cứ thu thập và sự thừa nhận của các đương sự thì có cơ sở xác định ông T4, bà T5 là vợ chồng, có 09 người con chung gồm bà Dương Thị S, ông Dương Văn L, ông Dương Văn T1, bà Dương Ngọc T, bà Dương Ngọc T2, ông Dương Ngọc T3, bà Dương Ngọc H, ông Dương Văn N và ông Dương Văn T6 (chết lúc khoảng 3 tuổi). Ông T4, bà T5 không có con nuôi, con riêng nào khác. Cha mẹ ông T4, bà T5 đều qua đời trước hai ông bà. Do vậy, 08 người con của ông T4, bà T5 là bà Dương Thị S, ông Dương Văn L, ông Dương Văn T1, bà Dương Ngọc T2, ông Dương Ngọc T3, bà Dương Ngọc H, bà Dương Ngọc T và ông Dương Văn N là hàng thừa kế thứ nhất của ông T4, bà T5.

[2.2] Về nguồn gốc nhà đất đang tranh chấp:

Qua tài liệu chứng cứ Tòa án thu thập và sự thừa nhận của các con ông T4, bà T5 thì nguồn gốc thửa đất số 73, tờ bản đồ số 118, diện tích đất 97,9m^2 tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là của cha mẹ ông T4 cho ông T4, bà T5 năm 1975; căn nhà trên đất được xây dựng năm 1985. Năm 2006, ông T4 chết; ngày 24-8-2007 bà T5 được Ủy ban nhân dân (UBND) huyện L cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 096202. Đến năm 2013, bà T5 chết; hiện nay, ông N là người đang quản lý, sử dụng nhà đất tranh chấp nêu trên.

Xét thấy, ông T4 và bà T5 chết không để lại di chúc nên nguyên đơn là ông N yêu cầu chia di sản thừa kế của ông T4, bà T5 theo pháp luật cho 08 người con của ông T4, bà T5 là có cơ sở; phù hợp với quy định tại các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 650, 651 Bộ luật Dân sự nên cần được chấp nhận. Việc bà T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không phù hợp với quy định pháp luật.

[2.3] Trong số 08 người được hưởng thừa kế thì bà Dương Thị S, ông Dương Văn L, ông Dương Văn T1, bà Dương Ngọc T2, ông Dương Ngọc T3, bà Dương Ngọc H đồng ý cho ông N quản lý, sử dụng phần thừa kế mà mình được hưởng, không yêu cầu ông N thanh toán lại giá trị cho các ông bà. Đồng thời, ông N có nguyện vọng được nhận bằng hiện vật nhà đất nêu trên để thờ cúng cha mẹ; ông N trình bày trước đó bà T đã đồng ý cho ông N quản lý, sử dụng phần thừa kế của bà T; tuy nhiên tại Biên bản lấy lời khai ngày 12-8-2022 thể hiện bà T không đồng ý. Do đó, bà T được hưởng 01 phần thừa kế theo quy định pháp luật; ông N

được hưởng 07 phần thừa kế gồm phần của ông N và phần của bà S, ông L, ông T1, bà T2, ông T3, bà H.

Xét thấy, thửa đất số 73, tờ bản đồ số 118 tại thị trấn L, huyện L có diện tích 97,9m^2 và căn nhà cấp 4 được xây dựng gần hết khuôn viên đất nên không thể tách ra để chia bằng hiện vật cho bà T. Mặt khác, ông N hiện đang quản lý sử dụng nhà đất nêu trên, có nguyện vọng được nhận thừa kế bằng hiện vật để thờ cúng cha mẹ và các ông bà S, L, T1, T2, T3 và H đều đồng ý, chỉ có bà T không đồng ý. Hội đồng xét xử thấy nguyện vọng của ông N là chính đáng nên cần chấp nhận yêu cầu của ông N, giao nhà đất thuộc thửa 73 cho ông N tiếp tục quản lý, sử dụng là hợp lý, ông N có trách nhiệm thanh toán bằng giá trị cho bà T đối với phần thừa kế mà bà T được hưởng.

[2.4] Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ; đo đạc và định giá toàn bộ di sản thừa kế mà ông T4, bà T5 để lại là quyền sử dụng diện tích đất 97,9m^2 thuộc thửa đất số 73, tờ bản đồ số 118 tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và căn nhà cấp 4 trên đất, được thể hiện tại Sơ đồ vị trí của Trung tâm kỹ thuật và tài nguyên tỉnh B và Biên bản định giá ngày 06-7-2023. Tòa án đã thông báo kết quả định giá cho các đương sự vắng mặt và không có đương sự nào có ý kiến về kết quả định giá. Do vậy, Hội đồng xét xử sẽ căn cứ vào giá mà Hội đồng định giá đã định giá ngày 06-7-2023 để giải quyết.

Như vậy, quyền sử dụng diện tích 97,9m^2 đất ở thuộc thửa 73, tờ bản đồ 118 có giá thị trường là 7.500.000đ/m^2 = 734.250.000đ. Căn nhà trên đất diện tích 86,2m^2 có giá là 641.800đ/m^2 sàn = 55.323.160đ. Tổng giá trị di sản thừa kế là 789.573.160đ; trị giá mỗi suất thừa kế là 98.696.645đ.

[3] Về chi phí đo vẽ, xem xét thẩm định, định giá, sao lục hồ sơ là 5.998.320đ; ông N tự nguyện chịu.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà T, ông N phải chịu án phí tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia; cụ thể bà T phải chịu án phí của số tiền 98.696.645đ x 5% = 4.934.832đ; ông N phải chịu án phí của số tiền 690.876.515đ là (20.000.000đ + 4% x 290.876.515) = 31.635.061đ.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 147, 228, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 609, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 650, 651 Bộ luật Dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 179 Luật Đất đai; Điều 7, Điều 8 Luật Nhà ở; Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Dương Văn N đối với bị đơn là bà Dương Ngọc T, Dương Ngọc H về "Tranh chấp về thừa kế tài sản":

1.1. Ông Dương Văn N được quyền sử dụng diện tích 97,9m^2 đất thuộc thửa đất số 73, tờ bản đồ số 118 tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AE 096202 do UBND huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp ngày 24-8-2007 cho bà Phan Thị T5 và căn nhà trên diện tích đất nêu trên.

Ông Dương Văn N được quyền liên hệ với các cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục chỉnh lý, đăng ký biến động đất đai và các thủ tục khác theo quy định pháp luật.

1.2. Ông Dương Văn N phải trả cho bà Dương Ngọc T số tiền là 98.696.645đ *(Chín mươi tám triệu, sáu trăm chín mươi sáu ngàn, sáu trăm bốn mươi lăm đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về chi phí tố tụng: Chi phí đo đạc; xem xét thẩm định, tại chỗ; định giá và sao lục hồ sơ là 5.998.320đ *(Năm triệu, chín trăm chín mươi tám ngàn, ba trăm hai mươi đồng)* do ông N tự nguyện chịu và ông N đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Ông Dương Văn N phải chịu 31.635.061đ *(Ba mươi mốt triệu, sáu trăm ba mươi lăm ngàn, không trăm sáu mươi mốt đồng)* nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.000.000đ *(Năm triệu đồng*) theo Biên lai thu số 0002680 ngày 19-12-2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền. Ông N còn phải nộp 26.635.061đ *(Hai mươi sáu triệu, sáu trăm ba mươi lăm ngàn, không trăm sáu mươi mốt đồng)*.

3.2. Bà Dương Ngọc T phải chịu 4.934.832đ *(Bốn triệu, chín trăm ba mươi bốn ngàn, tám trăm ba mươi hai đồng)*.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm tại Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Hồ Hạnh Nguyên

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Long Điền;
- Chi cục THADS huyện Long Điền;
- Lưu hồ sơ vụ án.